

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG  
– CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 của  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập  
khẩu Bình Dương – CTCP).*

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần (“**Tổng Công ty**”) quy định về nguyên tắc hoạt động, chế độ trách nhiệm, quyền lợi, cách thức làm việc, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”), Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”), Ban Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, các tiểu ban, người phụ trách quản trị Tổng Công ty và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành tại doanh nghiệp khác, các tiểu ban, người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Trưởng các phòng, ban và những người có liên quan trong Tổng Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

**Điều 2. Nguyên tắc quản trị**

1. Hoạt động quản trị Tổng Công ty theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tổng Công ty.

2. Bảo đảm chịu sự giám sát của ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

3. Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

4. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động của Tổng Công ty.

5. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.

**CHƯƠNG II  
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐHĐCĐ**

**Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**





Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật chuyên ngành.

#### **Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

Trước khi khai mạc cuộc họp, HĐQT Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

#### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được ghi nhận trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được ghi nhận sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- d) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;



c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;

d) Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Tổng Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

#### **Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

#### **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Tổng Công ty.

### **CHƯƠNG III**

### **ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT**

#### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**



Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty.

**Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí cụ thể theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

**Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của HĐQT.

**Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

**Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ chuyên môn;
3. Quá trình công tác;
4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm các chức danh HĐQT của công ty khác);
5. Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên liên quan của Tổng Công ty;
6. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có);



7. Các thông tin khác (nếu có).

#### **CHƯƠNG IV**

### **TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT**

#### **Điều 19. Thông báo họp HĐQT**

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 21. Cách thức biểu quyết**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

Thực hiện theo quy định tại khoản 13 và khoản 14 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

#### **Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp. Biên bản họp HĐQT cần được thực hiện theo khoản 17 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

#### **CHƯƠNG V**

### **ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN**

#### **Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.**

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 38 Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao



xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

**Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thực hiện theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

**CHƯƠNG VI  
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

**Điều 30. Các tiểu ban và việc thành lập các tiểu ban**

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

2. Các tiểu ban gồm: Tiểu ban Chiến lược và Quản lý nguồn vốn; Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng; Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và (các) Tiểu ban khác theo quyết định từng thời kỳ của HĐQT.

**Điều 31. Cơ cấu các tiểu ban**

Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.

**Điều 32. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban**

Thành viên các tiểu ban gồm một (01) hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một (01) hoặc nhiều thành viên bên ngoài có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ của từng tiểu ban được phụ trách.

**Điều 33. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên**

1. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty này và Quy chế hoạt động của HĐQT.

3. Mỗi tiểu ban phải có một Trưởng tiểu ban do thành viên của HĐQT đảm nhiệm. Các tiểu ban chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao hàng quý, hàng năm phải có báo cáo gửi cho HĐQT về kết quả hoạt động của tiểu ban định kỳ quý, năm.

4. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

a) Tiểu ban Chiến lược và Quản lý nguồn vốn Tổng Công ty:



Tiểu ban Chiến lược và Quản lý nguồn vốn giúp HĐQT hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Tổng Công ty; rà soát hiệu quả đầu tư, đánh giá khả năng bảo toàn và phát triển vốn, kiểm soát dòng vốn và hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty con, công ty liên kết và có đánh giá, báo cáo về kết quả thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn.

**b) Tiểu ban kiểm toán nội bộ:**

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ giúp HĐQT đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ của Tổng Công ty, các quy định của pháp luật, đánh giá việc kiểm soát các biện pháp bảo vệ an toàn tài sản và quản lý rủi ro kinh doanh, kiểm toán nội bộ các công ty con, tham mưu trong quá trình thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.

**c) Tiểu ban Nhân sự, lương, thưởng:**

Tiểu ban Nhân sự, lương, thưởng chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng nhân sự cấp cao cho bộ máy quản lý điều hành Tổng Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc và một số chức danh khác cần thiết cho hoạt động của Tổng Công ty theo từng thời kỳ do HĐQT quyết định. Tiểu ban Nhân sự chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt đề án tuyển dụng, sử dụng và phát triển nhân sự do Ban Tổng Giám đốc trình và giúp cho HĐQT trong việc xây dựng các chiến lược, chính sách về nhân sự của Tổng Công ty đồng thời có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.

## **CHƯƠNG VII**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

**Điều 34. Các tiêu chuẩn của thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ**

Tiểu ban kiểm toán nội bộ giúp HĐQT kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, bao gồm kiểm soát chất lượng hàng hóa, sản phẩm và hoạt động sản xuất, kinh doanh, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đầu tư mua sắm tài sản cố định, đầu tư các dự án.

Kiểm toán nội bộ là sự đảm bảo mục tiêu một cách độc lập và các hoạt động tư vấn để làm tăng giá trị và cải thiện các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Kiểm toán nội bộ giúp Tổng Công ty thực hiện mục tiêu thông qua tiếp cận một cách có hệ thống và có nguyên tắc để đánh giá và nâng cao hiệu quả của các hoạt động quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát và quy trình quản trị.

Nhân sự tham gia công tác kiểm toán nội bộ thuộc Tiểu ban kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 35. Cơ cấu, thành phần của Tiểu ban kiểm toán nội bộ**

Số lượng thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ do HĐQT quyết định, nhưng có ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên không phải là thành viên HĐQT. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng ban theo quyết định của HĐQT.

**Điều 36. Quyền và trách nhiệm của Tiểu ban kiểm toán nội bộ**



1. Kiểm toán nội bộ vai trò người bảo vệ về giá trị cho Tổng Công ty và được quyền giám sát các hoạt động của Tổng Công ty về tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức kinh doanh và quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

2. Chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện vai trò người tư vấn và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc và HĐQT về kiểm soát rủi ro.

3. Giúp HĐQT cải tiến, khắc phục những điểm yếu từ hệ thống quản lý và quản trị Tổng Công ty. Thông qua hoạt động phân tích, kiểm tra, giám sát quy trình hoạt động của các phòng ban trong bộ máy kinh doanh, Tiểu ban kiểm toán nội bộ sẽ đưa ra những lời tư vấn giúp Tổng Công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

4. Tiểu ban kiểm toán nội bộ chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao hàng quý, hàng năm và phải báo cáo gửi cho HĐQT về kết quả hoạt động của Tiểu ban định kỳ quý, năm.

### **Điều 37. Cuộc họp của Tiểu ban kiểm toán nội bộ**

1. Tiểu ban kiểm toán nội bộ hoạt động phải tuân theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn Tiểu ban phải tuân thủ các quy định của HĐQT. Tiểu ban kiểm toán nội bộ không ban hành văn bản quy phạm, khi cần tham gia ý kiến thì Tiểu ban kiểm toán nội bộ lập tờ trình, trình HĐQT quyết định và ban hành nghị quyết để thi hành.

## **CHƯƠNG VIII**

### **LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM**

#### **NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

### **Điều 38. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp (Người điều hành Tổng Công ty theo Điều lệ Tổng Công ty) phải có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được bổ nhiệm phụ trách và theo các quy chế, quy định, Điều lệ của Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả tốt nhất nhằm bảo đảm hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

### **Điều 39. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

HQĐT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc căn cứ đề xuất của HĐQT. HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ đề xuất của Tổng Giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng phải được thông qua nghị quyết HĐQT. Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành khác theo thẩm quyền quy định. Số lượng và tiêu chuẩn của các chức danh quản lý, điều hành phải phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do HĐQT quy định.

### **Điều 40. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**



Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT quyết định. Hợp đồng với những người điều hành khác do Tổng Giám đốc quyết định.

**Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Việc miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Tổng Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật lao động.

**Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; HĐQT quyết định hợp đồng bao gồm quy định về mức lương, thù lao, lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm năm (05) và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT thông qua;

b) Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng theo thẩm quyền quy định, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và quy định pháp luật;

c) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Điều 39 và Điều 40 của Quy chế này;

e) Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động, người quản lý, điều hành khác thuộc thẩm quyền;

f) Trước ngày 31 tháng 01 của năm tài chính tiếp theo, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý thua lỗ trong kinh doanh;

i) Chuẩn bị các bảng dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty ("**Bảng dự toán**") phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho



từng năm tài chính và những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty phải trình để HĐQT thông qua;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT khi được yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX**

### **PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát**

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;

b) Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;

c) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải họp và phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;

d) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

a) Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (hoặc có thể yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

c) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để thông tin HĐQT trong công tác quản lý Tổng Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát báo cáo thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên HĐQT thì Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm



dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

#### **Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc**

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Tổng Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động Tổng Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác hoặc để người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

4. HĐQT quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

#### **Điều 45. Việc tiếp cận thông tin**

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Tổng Công ty, Ban kiểm soát ghi rõ căn cứ việc tiếp cận thông tin trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Tổng Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp quy định pháp luật nhưng phải thông báo ngay, bằng văn bản cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu quy định, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b) Biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình;
- d) Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f) Tài liệu khác liên quan.

#### **Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc có thể yêu cầu thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu



có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát đề nghị.

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để thông tin Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Tổng Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì Ban kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.

3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của Tổng Giám đốc, thì Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu Tổng Giám đốc chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác hoặc để người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng Giám đốc: Phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

#### **Điều 47. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và HĐQT**

1. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

4. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, bãi nhiệm, cho thôi việc, lương, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh quản lý trong Tổng Công ty.

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

**Điều 48. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty**



Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty được quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của HĐQT.

**Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty**

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 và Điều 36 của Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế có liên quan của Tổng Công ty.

**Điều 50. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty**

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty và một (01) Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty do HĐQT quyết định tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

HĐQT có quyền quyết định việc kiêm nhiệm giữa các chức danh trên.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

**Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty**

HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin không trái với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.

**Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

**CHƯƠNG X**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 53. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý**

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.





3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong Tổng Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Tổng Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của Tổng Công ty để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

#### **Điều 54. Khen thưởng**

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình HĐQT đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 53 Quy chế này.

2. Hình thức khen thưởng:

- a) Bằng tiền;
- b) Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

5. Việc khen thưởng sẽ phù hợp với các Quy chế có liên quan khác của Tổng Công ty.

#### **Điều 55. Xử lý vi phạm và kỷ luật**

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ và đánh giá về sự cẩn trọng, hiệu quả và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra (nếu có).

2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, những cá nhân khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG XI**

#### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

##### **Điều 56. Trách nhiệm cẩn trọng**

Quy định tại Chương X Điều lệ Tổng Công ty.

**Điều 57. Trách nhiệm trung thực và giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan**



Giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Tổng Công ty, Điều 167 Luật Doanh nghiệp và pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

Trường hợp hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải thực hiện theo các quy định trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với người liên quan là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý và người liên quan khác đã được thông báo HĐQT, Kiểm soát viên và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Đồng thời, HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết;

b) Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc tổng giá trị của các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày giao kết hợp đồng, giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với người liên quan là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý và người liên quan khác đã được ĐHĐCĐ chấp thuận thì người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

#### **Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

Quy định tại Điều 44 của Điều lệ Tổng Công ty.

### **CHƯƠNG XII**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 59. Trách nhiệm thực hiện**

HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, các tiểu ban có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến những bộ phận có liên quan để thực hiện.

#### **Điều 60. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có điều, khoản không còn phù hợp với thực tế hoặc bất hợp lý thì Ban Tổng giám đốc, những người thực hiện phản ánh đến người quản trị Tổng Công ty để HĐQT xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.



3. Quy chế này được áp dụng tại Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần. Những nội dung không được nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn An Định**